

Bản án số: 37/2024/LĐ-ST
Ngày: 24/12/2024
V/v: Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm – Nguyên chủ tịch công đoàn Bệnh viện đa khoa thị xã (nay là thành phố) Bến Cát;

2. Bà Nguyễn Kim Lý – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2024/TLST-LĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2024/QĐXXST-LĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thạch D, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Ấp ông R, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ tạm trú: Nhà T, tổ B, khu phố D, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM); địa chỉ: Lô B, B, B13, B, đường số A, khu công nghiệp V, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ B, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và bà Huỳnh Thị Kim P, sinh năm 1993; địa chỉ: Hẻm E, ngã tư P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thạch H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số D N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố B; địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N – là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2024, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Thạch D trình bày:

Nguyên đơn ông Thạch D và ông Thạch H có mối quan hệ là anh em ruột với nhau. Vào khoảng tháng 8/2009, ông Thạch H có mượn giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Thạch D để vào làm việc tại Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM); địa chỉ: Lô L, B, B13, B14, đường số A, khu công nghiệp V, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Đến tháng 02/2010, ông Thạch H nghỉ việc tại Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM).

Còn ông Thạch D thực tế làm việc và có quá trình làm việc tại các Công ty sau:

Từ tháng 9/2009 đến tháng 4/2011, ông D làm việc tại Công ty Cổ phần G; địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Từ tháng 10/2022 đến tháng 5/2012, ông D làm việc tại Công ty TNHH V; địa chỉ: Lô B - B khu công nghiệp V, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Từ tháng 5/2013 đến tháng 6/2017, ông D làm việc tại Công ty TNHH P1 (V) địa chỉ: Lô B - B khu công nghiệp V, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Từ tháng 9/2017 đến tháng 01/2023, ông D làm việc tại Công ty TNHH H1; địa chỉ: Lô E (khu B), đường D, khu công nghiệp R, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Tháng 01/2023, ông D làm đơn nghỉ việc tại Công ty TNHH H1 và có nhu cầu rút bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên, khi ông Thạch D liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để rút thì số sổ Bảo hiểm xã hội của ông Thạch D bị trùng số nên không thể giải quyết các chế độ liên quan đến Bảo hiểm xã hội.

Do đó nguyên đơn ông Thạch D khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát: Yêu cầu tuyên hợp đồng lao động giữa ông Thạch D (thực tế Thạch H) với Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) vô hiệu.

Tại Bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) bà Trần Thị Bích T và bà Huỳnh Thị Kim P trình bày:

Vào khoảng tháng 8/2009, Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) có ký kết hợp đồng lao động với ông Thạch D, sinh năm 1989; địa chỉ thường trú: Ấp ông R, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh với vị trí làm việc là công nhân may. Trong quá trình làm

việc tại Công ty, Công ty hoàn toàn không biết ông Thạch D cho ông Thạch H (là em trai ruột) mượn giấy tờ để làm hồ sơ xin việc làm tại Công ty. Về hợp đồng lao động và các hồ sơ khác liên quan đến ông Thạch D do thời gian đã lâu việc bảo quản, luân chuyển hồ sơ của Công ty bị thất lạc nên không có để cung cấp cho Tòa án. Do đó, nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại Bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch H trình bày:

Do ông Thạch H không đủ tuổi vì mong muốn có được việc làm để có thu nhập nên ông H có mượn giấy tờ của anh trai mình tên Thạch D (ông Thạch D là anh ruột của ông Thạch H), vào làm việc tại Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM), vị trí làm việc là công nhân may, ông H cũng đã nghỉ việc tại Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM), vì thời gian đã lâu nên ông H không nhớ chính xác thời gian bắt đầu vào làm việc và nghỉ việc tại Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM). Do đó, nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch D với bị đơn Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM), ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại Công văn số 852/CV – BHXH Bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B trình bày:

Số sổ Bảo hiểm xã hội của ông Thạch D theo Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Thạch D (ký hợp đồng lao động là ông Thạch H) với Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) là 7409234013, Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ – BNN) với tên Thạch Danh từ tháng 8/2009 đến tháng 02/2010, cụ thể như sau:

Từ tháng 08/2009 đến tháng 12/2009 với vị trí công nhân viên tại Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) lô B11, B12, B13, KCN V, B, Bình Dương với mức đóng 1.156.000đ.

Từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 với vị trí công nhân viên tại Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) lô B11, B12, B13, KCN V, B, Bình Dương với mức đóng 1.274.000đ.

Từ tháng 08/2009 đến tháng 12/2009 đóng Bảo hiểm thất nghiệp với mức đóng 1.156.000đ.

Từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 đóng Bảo hiểm thất nghiệp với mức đóng 1.274.000đ.

Ông Thạch H (lấy tên Thạch D) chưa giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội và chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp (theo số BHXH: 7409234013).

Căn cứ vào báo cáo tình hình sử dụng lao động và danh sách tham gia BHXH, BHYT, BHTN do Công ty ký sổ gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh B xử lý

và ghi nhận quá trình tham gia Bảo hiểm xã hội của người lao động do đó, cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố B không lưu giữ hồ sơ cá nhân của người lao động. Do đó, Bảo hiểm xã hội thành phố B đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thạch H và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố B là ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn ông Thạch D khởi kiện Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM); địa chỉ: Lô B, B, B13, B, đường số A, khu công nghiệp V, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa ông Thạch D với Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn được xác định là Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) và quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) và bà ông Thạch D (thực tế là ông Thạch H). Tuy nhiên, Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động với ông Thạch D và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động Thạch D nhưng do thời gian đã lâu, việc bảo quản, luân chuyển hồ sơ của Công ty bị thất lạc nên không có để cung cấp cho Tòa án. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao

động giữa Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) và người lao động có thông tin ông Thạch D có giao kết hợp đồng lao động vào năm 2009. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động lấy tên Thạch D (thực tế ông Thạch H) như sau: Mã số bảo hiểm xã hội 7409234013: Từ tháng 8/2009 đến tháng 02/2010 tại Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) với mức lương đóng từ tháng 08/2009 đến tháng 12/2009 là 1.156.000đ; từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 với mức lương đóng 1.274.000đ; từ tháng 08/2009 đến tháng 12/2009 với mức lương đóng 1.156.000đ; từ tháng 01/2010 đến tháng 02/2010 là 1.274.000đ.

[2.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Xét thấy: Ông Thạch D (thực tế ông Thạch H) ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) với vị trí việc làm là công nhân may được Công ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp với tên Thạch D, số Chứng minh nhân dân 371470853 với mã số bảo hiểm xã hội DN7740093100423.

Bị đơn Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Thạch D, vị trí việc làm là công nhân may và ông D đã tự nguyện làm đơn xin thôi việc tại Công ty. Hiện hồ sơ lao động của ông Thạch D Công ty không còn lưu trữ. Việc ông Thạch H mượn giấy tờ ông Thạch D vào làm việc tại Công ty, Công ty hoàn toàn không biết.

Việc ông Thạch H sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của Thạch D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó việc ông Thạch D yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Thạch D (do ông Thạch H mượn tên) với Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) là có căn cứ theo quy định tại Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) với ông Thạch D (thực tế ông Thạch H) là vô hiệu như những phân tích ở

trên. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch D đối với bị đơn Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM).

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Thạch D tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch D đối với bị đơn Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) về tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Thạch D với Công ty TNHH T1 (VIỆT NAM) vô hiệu.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hoa

- Người tham gia tổ tụng;
- Lưu: HS, TA (01).